

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 8 – 2023

“ *V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình* ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Trung Du.

2. Ông Huỳnh Văn Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Kiều Minh Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long** không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 300/2023/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2023/QĐXX - ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thúy K**, sinh năm: 1985 (Vắng, có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh năm: 1986 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Bình Thành, xã Trung Hiếu, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn chị Phạm Thúy K trình bày:**

- *Về mối quan hệ hôn nhân:* Chị và anh P hôn nhân hình thành là do mai mối nhưng có thời gian tìm hiểu và được hai bên gia đình chấp nhận có tổ chức đám cưới năm 2006 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung An vào ngày 15/6/2007. Sau ngày cưới chị và anh P sống bên gia đình anh P tại ấp Bình Thành, xã Trung Hiếu. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P có người phụ nữ khác từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị đã cho anh P cơ hội sửa chữa lỗi lầm để vợ chồng hàn gắn nuôi con nhưng anh P

vẫn không thay đổi, dẫn đến tình cảm dần phai nhạt, chị và anh P đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh P.

- *Về con chung*: Có 02 người con chung tên Nguyễn P Anh, sinh ngày 15/6/2008 và cháu Nguyễn K Anh, sinh ngày 29/9/2011 hiện đang sống chung với anh P. Khi ly hôn chị đồng ý giao các con cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung; về nợ phải thu, phải trả*: Chị và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề tự thỏa thuận.

\* *Tại biên bản hòa giải ngày 15/6/2023 bị đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày*:

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị K về mối quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung. Nguyên nhân gây mâu thuẫn là đúng nhưng nay chị K xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương chị K anh muốn đoàn tụ cùng nuôi con.

- *Về con chung*: Có 02 người con chung tên Nguyễn P A, sinh ngày 15/6/2008 và cháu Nguyễn K A, sinh ngày 29/9/2011 hiện đang sống chung với anh. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả*: Anh và chị K tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

\* *Tại bảng khai ý kiến ngày 15/6/2023 cháu P Anh và cháu K Anh cùng trình bày*: Khi cha mẹ hai cháu ly hôn hai cháu có nguyện vọng sống với anh P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét thấy, nguyên đơn chị K có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Xét việc bị đơn anh P được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn có tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng

của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa chị K và anh P có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị K và anh P có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nguyên nhân sâu xa dẫn đến ly thân là do anh P có người phụ nữ khác bên ngoài từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Chị K yêu cầu xin ly hôn với anh P do không còn tình cảm, không thể hàn gắn. Anh P thì không đồng ý ly hôn do còn thương chị K muốn đoàn tụ cùng nuôi con. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa chị K và anh P có mâu thuẫn, cụ thể là anh P có người phụ nữ khác điều này được anh P thừa nhận, chị K đã cho anh P cơ hội sửa chữa sai lầm nhưng anh P vẫn không thay đổi, từ đó dẫn đến tình cảm chị K dành cho anh P không còn nữa nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác; trong quan hệ hôn nhân nếu muốn sống hạnh phúc thì hôn nhân phải xuất phát từ tình cảm hai phía. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải chị K đều cho rằng không còn tình cảm với anh P nên chị K yêu cầu xin ly hôn với anh P là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.1] Về con chung: Chị K anh P thống nhất xác định anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn P Anh, sinh ngày 15/6/2008 và cháu Nguyễn K Anh, sinh ngày 29/9/2011. Hiện nay đang sống chung với anh P. Khi ly hôn chị K thống nhất giao con cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng chị không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu P Anh và K Anh sống với anh P từ nhỏ cuộc sống ổn định, cháu phát triển bình thường, cháu P Anh và cháu K Anh cũng có nguyện vọng sống với anh P và ngược lại anh P cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu P Anh và cháu K Anh. Nên giao cháu P Anh và K Anh cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh P không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con nên chị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.2] Về tài sản chung: Chị K anh P thống nhất xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.3] Về nợ chung: Chị K anh P thống nhất xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Về án phí sơ thẩm: Chị K phải chịu số tiền án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình, anh P không phải nộp án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

### ***Tuyên xử;***

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Phạm Thúy K được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn P Ah, sinh ngày 15/6/2008 và cháu Nguyễn K A, sinh ngày 29/9/2011 cho anh Nguyễn Thanh P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Phạm Thúy K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản chung:* Chị Phạm Thúy K và anh Nguyễn Thanh P thống nhất xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Chị Phạm Thúy K và anh Nguyễn Thanh P thống nhất xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### ***5. Về án phí:***

+ Chị Phạm Thúy K phải nộp số tiền là: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số N<sup>0</sup> 0009483, ngày 26/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, chị Phạm Thúy K đã nộp đủ không phải nộp thêm.

+ Anh Nguyễn Thanh P không phải nộp án phí.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi

tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Mỡn**